

Bản án số: **25/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 31/3/2026
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
Ông **Vũ Văn Nở**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Tú Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Bích Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thái Kiều N**, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Hẻm C N, tổ A N, phường T, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Việt Đ**, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Hẻm C N, tổ A N, phường T, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Huỳnh Thái Kiều N** trình bày: Bà và ông **Hoàng Việt Đ** kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường B) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2012 ngày 13/6/2012. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian khoảng một năm gần đây, bà liên tục bị chồng và cha chồng kiểm soát từ những việc nhỏ nhất như cách ăn mặc, công việc, điện thoại. Ngoài ra, ông Đ còn chơi tử số đá banh, số đề nên hàng tháng ông Đ không cung cấp đủ tài chính để nuôi con. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên dù còn ở chung nhà nhưng không ai quan tâm gì đến ai. Hiện nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn

với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là Hoàng Thái Ngọc V, sinh ngày: 20/11/2012 và Hoàng Trung P, sinh ngày: 18/11/2020. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và giao cháu V cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 05/02/2026 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Việt Đ trình bày:* Ông và bà Huỳnh Thái Kiều N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N (nay là phường B). Quá trình chung sống vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì, chỉ có một năm gần đây thì mâu thuẫn do vợ chồng không có sự kết nối, không thể cùng ngồi lại nói chuyện với nhau. Bản thân ông không đánh đập vợ, không rượu chè, chỉ lo làm ăn, chăm sóc vợ con. Thỉnh thoảng ông có chơi tử số nhưng đó chỉ là chơi vui và ông cũng đã bỏ rồi. Ngoài ra, ông và gia đình ông đối xử với bà N rất tốt, bà N không phải lo lắng việc gì trong nhà. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì bản thân ông không có sai sót gì nhiều và con cái vẫn còn nhỏ, ông muốn con cái có đầy đủ tình thương của cha mẹ, vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Hoàng Thái Ngọc V, sinh ngày: 20/11/2012 và Hoàng Trung P, sinh ngày: 18/11/2020. Nếu ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Đ vẫn không đồng ý ly hôn với bà N, ông muốn có thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Về con chung, ông đồng ý nuôi dưỡng cháu V và giao cháu P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Huỳnh Thái Kiều N được ly hôn ông Hoàng Việt Đ. Về con chung, đề nghị giao cháu Hoàng Trung P, sinh ngày: 18/11/2020 cho bà Huỳnh Thái Kiều N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Hoàng Thái Ngọc V, sinh ngày: 20/11/2012 cho ông Hoàng Việt Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà N và ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, bà N và ông Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí, bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thái Kiều N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn với ông Hoàng Việt Đ. Ông Đ có địa chỉ cư trú tại phường T, tỉnh Khánh Hòa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thái Kiều N và ông Hoàng Việt Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường B) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2012 ngày 13/6/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của bà N, thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc tuy nhiên khoảng một năm trở lại đây, bà liên tục bị chồng và cha chồng kiểm soát, ông Đ thường xuyên ghen tuông vô cớ, cờ bạc, không lo làm ăn, không đảm bảo đủ tài chính để lo cho con. Bà N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, bà và ông Đ vẫn còn ở chung nhà nhưng không ai quan tâm gì đến ai. Nay bà N xác định bà không còn tình cảm với ông Đ nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ cho rằng bản thân ông không có sai sót gì nhiều và vợ chồng ông cũng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng ông thừa nhận một năm gần đây, vợ chồng ông không có sự kết nối và không thể ngồi lại nói chuyện cùng nhau. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà N vì con cái vẫn còn nhỏ, ông muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà N và ông Đ không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ly hôn của bà N là chính đáng, có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Thái Kiều N và ông Hoàng Việt Đ có hai con chung là Hoàng Thái Ngọc V, sinh ngày: 20/11/2012 và Hoàng Trung P, sinh ngày: 18/11/2020. Bà N và ông Đ có nguyện vọng giao cháu P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tại Bản tự khai ngày 23/01/2026, cháu V cũng có nguyện vọng muốn được ở với ba. Hội đồng xét xử nhận thấy nhằm đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định và

phát triển tốt nhất cho tâm sinh lý của trẻ em nên giao cháu Hoàng Thái Ngọc V cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Hoàng Trung P cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, là phù hợp với điều kiện hiện tại, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thái Kiều N và ông Hoàng Việt Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thái Kiều N và ông Hoàng Việt Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thái Kiều N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thái Kiều N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thái Kiều N được ly hôn ông Hoàng Việt Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trung P, sinh ngày: 18/11/2020 cho bà Huỳnh Thái Kiều N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Hoàng Thái Ngọc V, sinh ngày: 20/11/2012 cho ông Hoàng Việt Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Bà N và ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đồng thời, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thái Kiều N và ông Hoàng Việt Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, nếu xét thấy cần thiết bà N và ông Đ đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thái Kiều N và ông Hoàng Việt Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thái Kiều N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000142 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà N đã nộp đủ án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hồng Thủy